**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN B**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 19/3/2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lường Văn Tình.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Đăng Bảy.
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà:*** Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2020, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (Có mặt) bà Phan Thị M, sinh năm 1986 (Xin giải quyết vắng mặt).

HKTT: Thôn 2, xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*2. Bị đơn*: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1981. (Có mặt).

HKTT: Thôn 5, xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Thị B1, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn 5, xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vợ chồng ông H bà M trình bày:***

Do quen biết nên ngày 26/12/2018 âm lịch, ông bà cho ông Lê Văn Th vay số tiền 114.000.000đ; thỏa thuận thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày vay; lãi suất thỏa thuận bằng lời nói theo quy định pháp luật là 0.75%/ tháng; mục đích ông Th nói là để lo công việc gia đình. Khi vay có làm giấy tờ và ông Th ký nhận. Ngoài ra ông Th có đưa cho ông bà giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Quá thời hạn trả nợ vợ ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông Th trả lại nhưng ông Th không thanh toán. Vì vậy ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền vay gốc là 114.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất trong hạn là 02 tháng là 1.710.000đ (kể từ ngày vay từ ngày 26/12/2018) lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 27/02/2019 đến ngày 27/7/2020 là 17 tháng x 1.125%/tháng là 21.802.000đ, tổng số tiền yêu cầu trả là 137.512.000đ. Ngoài ra đề nghị tính lãi quá hạn cho đến khi xét xử xong.

Tại phiên tòa bà M xin giải quyết vắng mặt. Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, không đồng ý để bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi trong thời hạn 03 tháng mà yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 114.000.000đ; lãi suất trong hạn tính từ ngày vay đến ngày đến ngày 31/3/2019 là 1.710.000đ; lãi suất quá hạn từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử theo lãi trong hợp đồng (0.75%/ tháng) x lãi suất quá hạn 150%. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Văn Th trình bày*:** Ông là chồng bà Lê Thị B1, ông quen biết vợ chồng ông H bà M. Xác nhận có vay của ông H bà M số tiền 114.000.000đ, không rõ thời gian vay nhưng thỏa thuận thời hạn trả 02 tháng kể từ ngày vay, mục đích là để lo công việc của ông. Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói nhưng không nhớ là bao nhiêu; có lập giấy vay là đúng. Ngoài ra ông còn đưa cho ông H bà M giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông để làm tin. Hiện nay vợ chồng ông H bà M khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và lãi thì ông đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin trả số tiền khởi kiện trong vòng 03 tháng, mỗi tháng trả 45.000.000đ. Ngoài ra không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.***

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc chưa trả là 114.000.000đ và lãi suất phát sinh theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về yêu cầu trả số tiền gốc 114.000.000đ:

Hội đồng xét xử thấy: Các đương sự đều thừa nhận ngày 26/12/2018 âm lịch (tức ngày 31/01/2019 dương lịch) ông Lê Văn Th vay của ông H bà M số tiền 114.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả 02 tháng, khi vay có viết giấy, ông Th có đưa cho ông H bà M giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Quá thời hạn thanh toán ông H bà M đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông Th chưa trả được khoản tiền gốc và lãi nào. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả là đúng quy định nên cần chấp nhận trả lại số tiền vay gốc là 114.000.000đ là phù hợp.

[1.2] Về lãi suất:

Nguyên đơn cho rằng lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 0.75%/ tháng, bị đơn không nhớ lãi suất các bên thỏa thuận, nhưng đồng ý trả theo mức lãi suất trong hạn và quá hạn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy các bên không tranh chấp về lãi suất, mức lãi suất các bên thỏa thuận không trái với quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn và được tính như sau:

Về lãi suất trong hạn: Số tiền gốc 114.000.000đ x 0.75%/tháng x 2 tháng (từ ngày 31/01/2019 đến ngày 31/3/2019) = 1.710.000đ.

Về lãi suất quá hạn: Theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự thì lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quá hạn bị đơn vi phạm từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2021) là 23 tháng 18 ngày x 0.75%/tháng x 150% = 30.255.500đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 145.965.500đ.

[2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 507196 vào sổ cấp số CS 05278 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/5/2017 bị đơn đưa nguyên đơn cầm làm tin khi vay: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa các đương sự thống nhất tự nguyện thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Phan Thị M đối với bị đơn ông Lê Văn Th.

Buộc ông Lê Văn Th phải trả cho ông Nguyễn Văn H bà Phan Thị M tổng cộng số tiền là 145.965.500đ (một trăm bốn mươi năm triệu, chín trăm sáu mươi năm ngàn, năm trăm đồng).

[2] Về án phí: Buộc ông Lê Văn Th chịu 7.298.275đ án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả lại cho ông H bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.437.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015750 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lường Văn Tình**